

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: **Quản lý đất đai**
- Mã số ngành đào tạo: **52850103**
- Tên trường đào tạo: **Trường Đại học kinh tế Nghệ An**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 205/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An, là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường chịu sự quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, chịu sự quản lý về chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trụ sở chính: Phường Hà Huy Tập , thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0383.844330; 0383.841882

Fax: 0383.522643.

Website: kktkna.edu.vn

- Cơ sở 2: Xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học kinh tế Nghệ An bao gồm Ban giám hiệu (Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng), 7 phòng chức năng và, 6 khoa chuyên môn, 4 Trung tâm và bộ phận phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Với 54 năm xây dựng và phát triển trường đã đào tạo trình độ Cao đẳng hệ chính quy: Có 07 ngành, thời gian đào tạo 3 năm, gồm: Kế toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh, Chăn nuôi; Khoa học cây trồng; Lâm nghiệp và Quản lý đất đai.

Các ngành đào tạo trình độ Trung cấp hệ chính quy: Có 10 chuyên ngành, thời gian đào tạo 2 năm, gồm: Kế toán doanh nghiệp sản xuất; Kế toán thương

mại; Kế toán hành chính sự nghiệp, Chăn nuôi thú y; Quản lý đất đai; Kỹ thuật lâm sinh; Trồng trọt, bảo vệ thực vật; Kỹ thuật tổng hợp thủy lợi; Cơ điện nông nghiệp, nông thôn.

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong trường là 207 người, trong đó số cán bộ giảng dạy là 167 người, cán bộ quản lý và phục vụ là 40 người. Có 07 tiến sĩ, 91 thạc sĩ, 69 đại học; 20 người đang học cao học và 18 nghiên cứu sinh (có 04 người sẽ bảo vệ tiến sĩ trong năm 2014).

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đã hoàn thành tốt việc đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực kinh tế, nông, lâm nghiệp cho tỉnh Nghệ An và các tỉnh khu vực Bắc Miền trung. Đến nay với 54 khóa trung cấp, 9 khóa cao đẳng chính quy, 8 khóa cao đẳng liên thông, nhà trường đã đào tạo được 5000 công nhân nghề và 3000 cử nhân cao đẳng trong đó có trên 90% học sinh, sinh viên ra trường có việc làm, bồi dưỡng tập huấn cho hàng vạn lượt cán bộ để đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội thời kỳ đổi mới. Tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay khoảng 90% ; 5% có việc làm sau 1 năm ; 5% tiếp tục đi học liên thông lên đại học.

2. Sự cần thiết mở mã ngành đào tạo Quản lý đất đai

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên, tài sản quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Đối với Việt Nam là một quốc gia đất chật người đông, dân số tăng nhanh, đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; được cảnh báo là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu thì việc quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên đất là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng.

Trong quá trình Đổi mới, ngành Quản lý đất đai đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay tài nguyên đất đai vẫn chưa được quản lý, khai thác hợp lý; sử dụng còn lãng phí và kém hiệu quả; ở nhiều nơi đất đai bị suy thoái, ô nhiễm, phá hoại đến mức báo động; tranh chấp, khiếu nại về đất đai vẫn là vấn đề nóng của xã hội; đóng góp cho nền kinh tế quốc dân chưa tương xứng với tiềm năng của tài nguyên đất và hoạt động quản lý đất đai. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là hệ thống chính sách và pháp luật về đất đai chưa thực sự đồng bộ; chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các ngành, các cấp, chưa kết hợp và lồng ghép có

hiệu quả với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hơn nữa chưa xác định được chiến lược phát triển ngành Quản lý đất đai.

Nhiệm vụ cấp thiết hiện nay là phải xây dựng “Chiến lược phát triển ngành Quản lý đất đai Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020 và định hướng đến năm 2030” trên cơ sở kế thừa thành tựu đã đạt được, phù hợp với điều kiện nội lực và xu hướng quản lý đất đai tiên tiến, phù hợp nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, khoa học - công nghệ phát triển vượt bậc và nước ta đã mở cửa hội nhập kinh tế thế giới.

Quan điểm phát triển ngành Quản lý đất đai theo định hướng hiện đại hóa, kinh tế hóa và phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai; có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển gồm: phát triển kinh tế, phát triển xã hội đào tạo nhân lực và bảo vệ môi trường.

Ngành Quản lý đất đai Việt Nam có quá trình hình thành và phát triển lâu dài, hệ thống cơ quan quản lý đất đai đã phát triển ở cả bốn cấp hành chính. Đội ngũ cán bộ quản lý đất đai rất đông đảo, được đào tạo khá bài bản và kinh qua nhiều hoạt động, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Hoạt động hội nhập và hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều bài học và kinh nghiệm quản lý và ứng dụng khoa học công nghệ từ các quốc gia có hệ thống quản lý đất đai tiên tiến để áp dụng trong điều kiện Việt Nam.

Tuy nhiên đội ngũ cán bộ được đào tạo, phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau và trong các điều kiện khác nhau nên trình độ không đồng đều, đặc biệt còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ mới. Đây là một khó khăn rất lớn trong việc thực hiện mục tiêu hiện đại hóa Ngành

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đã hoàn thành tốt việc đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực kinh tế, nông nghiệp, lâm nghiệp, Quản lý đất đai cho tỉnh Nghệ An và các tỉnh khu vực Bắc Miền trung. Đến nay với 54 khóa trung cấp, 9 khóa cao đẳng chính quy, 8 khóa cao đẳng liên thông, nhà trường đã đào tạo được đội ngũ đông đảo với trên 30.000 kỹ thuật viên, 5000 công nhân nghề và 5000 cử nhân cao đẳng trong đó có trên 90% học sinh, sinh viên ra trường có việc làm, bồi dưỡng tập huấn cho hàng vạn lượt cán bộ để đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội thời kỳ đổi mới.

Tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay khoảng 90% ; 5% có việc làm sau 1 năm ; 5% tiếp tục đi học liên thông lên đại học.

Bộ môn Quản lý đất đai thuộc Khoa Nông Lâm Ngư trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An (nay là trường Đại học Kinh tế Nghệ An) có 15 giảng viên, trong đó có 01 tiến sỹ, 02 NCS (01 NCS sẽ bảo vệ trong tháng 5/2014, 01 NCS sẽ bảo vệ trong tháng 8/2015), 8 thạc sỹ, 2 giảng viên đang học cao học và 3 cử nhân; Bộ môn Quản lý đất đai đất đai đã đào tạo hàng ngàn cán bộ Quản lý đất đai cho tất các huyện trên địa bàn các tỉnh như: Nghệ An, Quảng Bình, Thanh Hóa và Hà Tĩnh từ hệ trung cấp, cao đẳng; từ cán bộ địa chính cấp xã, địa chính cấp huyện và cấp Sở

Do vậy việc mở ngành Quản lý đất đai thuộc Khoa Nông – Lâm – Ngư Trường đại học kinh tế Nghệ An là cần thiết để đáp ứng nhu cầu của xã hội và sự phát triển của ngành, làm cơ sở để hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch hoạt động và các chương trình hành động nhằm phát triển một hệ thống quản lý đất đai hiện đại ở Việt Nam, đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế thế giới; đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội, lợi ích trước mắt hài hòa với lợi ích của các thế hệ tương lai.

PHẦN 2 NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong trường là 207 người, trong đó số cán bộ giảng dạy là 167 người, cán bộ quản lý và phục vụ là 40 người. Có 07 tiến sĩ, 91 thạc sĩ, 69 đại học; 20 người đang học cao học và 18 nghiên cứu sinh (có 04 người sẽ bảo vệ tiến sĩ trong năm 2014).

- Đội ngũ giảng viên:

+ Có 59 giảng viên thuộc khoa Cơ sở Cơ bản và khoa Lý luận chính trị, trong đó có 01 trình độ tiến sĩ, 35 trình độ thạc sĩ đủ trình độ giảng dạy phần kiến thức giáo dục đại cương.

+ Bộ môn Quản lý đất đai trực thuộc Khoa Nông Lâm ngư có 15 giảng viên, trong đó có 01 tiến sĩ, 02 NCS, 8 thạc sĩ, 1 giảng viên đang học cao học và 3 cử nhân, đủ điều kiện để mở ngành đào tạo Quản lý đất đai theo quy định tại Thông tư 08/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường dự kiến bố trí 40 giảng viên cơ hữu, trong đó trên 80% có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tham gia giảng dạy được hơn 70% học phần thuộc ngành Quản lý đất đai. Trong đó có 24 giảng viên giảng dạy các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương (gồm: 18 thạc sĩ, 6 cử nhân), 16 giảng viên giảng dạy các học phần thuộc kiến thức chuyên nghiệp (gồm 1 tiến sĩ, 14 thạc sĩ, 01 kỹ sư) (chi tiết tại bảng 1 dưới đây)

Bảng 1: Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần ngành Quản lý đất đai

TT	Họ tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh KH	Học vị nước, năm tốt nghiệp	Ngành chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Lam SN 1985 Giảng viên	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Triết học	Những nguyên lý CB của CN Mac-Lênin 1, 2TC
2	Nguyễn Thị Kim Dung SN 1979 Giảng viên	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	LL và PPDH Giáo dục chính trị	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 2, 3TC
3	Nguyễn Quốc Sơn SN 1978 Giảng viên	Giảng viên	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2TC

4	Nguyễn Thị Lan SN 1962 Trưởng Bộ môn	Giảng viên chính	Tiến sỹ, 2008, Việt Nam	Chính trị học	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN, 3TC
5	Trần Thị Thu Hà SN 1977, Phó trưởng bộ môn Pháp luật	Giảng viên, 2000	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Luật Kinh tế - Quốc tế	Pháp luật Đại cương, 2TC
6	Trần Thị Diên SN 1980	Giảng viên, 2010	Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Hành chính công	Soạn thảo văn bản, 2TC
7	Hồ Thị Bích Ngọc SN 1982 Giảng viên	Giảng viên	Thạc sỹ, 2010, Việt Nam	LL và PPDH Giáo dục chính trị	Dân số học và môi trường, 2TC
8	Nguyễn Khánh Ly SN 1983 Giảng viên	Giảng viên	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	LL và PPDH Giáo dục chính trị	Xã hội học, 2TC
9	Ngụy Vân Thùy SN 1976, Phó trưởng bộ môn Anh văn	Giảng viên, 2004	Thạc sỹ, 2010, Việt Nam	Tiếng Anh	Anh văn 1, 3TC
10	Nguyễn Thị Bích Thùy SN 1965, Trưởng khoa CSCB	Giảng viên, 1990	Thạc sỹ, 2014, Việt Nam	Tiếng Anh	Anh văn 2, 4TC
11	Nguyễn Thị Lan Hương SN 1976	Giảng viên, 1998	Thạc sỹ, 2012, Việt Nam	Tiếng Anh	Anh văn chuyên ngành, 2TC
12	Bùi Đình Thắng SN 1980, Phó trưởng khoa CSCB	Giảng viên, 2006	Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	Giải tích toán	Toán cao cấp 3TC
13	Trần Hà Lan SN 1979	Giảng viên, 2006	Thạc sỹ, 2005, Việt Nam	Hình học	Xác xuất thống kê 3TC
14	Lê Thị Vân Hà SN 1976	Giảng viên	Thạc sỹ, 2001 Việt Nam	Hóa học	Hóa học đại cương 3TC
15	Hoàng Minh Đồng	Giảng viên	Thạc sỹ Việt Nam	Vật lý	Vật lý đại cương 2TC
16	Cao Thị Phương Thảo SN 1980	Giảng viên, 2004	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Công nghệ thông tin	Tin học Autocard 2TC
17	Đào Thị Nha Trang SN 1982	Giảng viên, 2005	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương 3TC

18	Hoàng Hữu Chất SN 1954. Trưởng khoa NLN	Giảng viên	Thạc sỹ, Việt Nam	QLĐ Đ	Sinh thái môi trường 2TC
19	Đỗ Ngọc Đài SN 1982	Giảng viên	Tiến sỹ, 2008 Việt Nam	Thực vật	Tài nguyên thiên nhiên 2TC
20	Nguyễn Văn Toàn SN 1981, Trưởng bộ môn Thủy lợi	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Thủy lợi	Trắc địa 1 3TC
21	Nguyễn Văn Toàn SN 1981, Trưởng bộ môn Thủy lợi	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Thủy lợi	Trắc địa 2 3TC
22	Trương Quang Ngân SN 1975	Giảng viên	Thạc sỹ, 2004, Việt Nam	QLĐĐ	Trắc địa ảnh 2TC
23	Nguyễn Hoàng Tiến SN 1979	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	QLĐĐ	Thổ nhưỡng 2TC
24	Nguyễn Hoàng Tiến SN 1979	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Trồng trọt	Đánh giá đất 3TC
25	Trịnh Sơn Hải SN 1960	Giảng viên, 1988	Cử nhân, 2003, Việt Nam	Công nghệ thông tin	Tin học UD đo vẽ bản đồ 3TC
26	Hoàng Hoa Quế SN 1955	Giảng viên	Thạc sỹ, 1997 Việt Nam	Lâm nghiệp	Đánh giá TĐMT 2TC
27	Hoàng Hoa Quế SN 1955	Giảng viên	Thạc sỹ, 1997 Việt Nam	Lâm nghiệp	Quản lý nguồn nước 2TC
28	Trần Thái Yên SN 1975 Trưởng Bộ môn QLĐĐ	Giảng viên	Thạc sỹ, 2007 Việt Nam	QLĐĐ	Bản đồ học 3TC
29	Tăng Văn Tân SN 1970	Giảng viên	Thạc sỹ, 2007 Việt Nam	Lâm nghiệp	QH tổng thể PT KTXH 3TC
30	Trần Thị Vân SN 1981	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	QLĐĐ	QH sử dụng đất 3TC
31	Trần Thị Vân SN 1981	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	QLĐĐ	QH PT nông thôn 2TC
32	Trần Thị Vân SN 1981	Giảng viên	Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	QLĐĐ	QHĐT và Điểm DCNT 2TC
33	Trần Thái Yên SN 1975 Trưởng Bộ môn QLĐĐ	Giảng viên	Thạc sỹ, 2007 Việt Nam	QLĐĐ	Bản đồ địa chính 3TC

34	Nguyễn Thị Thùy Dung SN 1988	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	QLĐĐ	Quản lý HC về đất đai 3TC
35	Nguyễn Thị Thùy Dung SN 1988	Giảng viên	Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	QLĐĐ	Đăng ký thống kê đất đai 3TC
36	Phan Thị Thanh Bình SN 1979, Trưởng bộ môn Pháp luật	Giảng viên, 2002	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Luật kinh tế	Pháp luật đất đai 3TC
37	Phan Thị Thanh Bình SN 1979, Trưởng bộ môn Pháp luật	Giảng viên, 2002	Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Luật kinh tế	Thanh tra đất đai 2TC
38	Hồ Thị Hiền SN 1981, Phó bộ môn kinh tế	Giảng viên, 2008	Thạc sỹ, 2012 Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế đất 2TC
39	Lê Thị Xuân SN 1977, trưởng bộ môn kinh tế	Giảng viên	Thạc sỹ, 2006 Việt Nam	Kinh tế	Định giá đất 2TC
40	Lê Thị Xuân SN 1977, Trưởng bộ môn kinh tế	Giảng viên	Thạc sỹ, 2006 Việt Nam	Kinh tế	Thị trường bất động sản 2TC
41	Trương Quang Ngân SN 1975	Giảng viên	Thạc sỹ, 2004 Việt Nam	QLĐĐ	Bồi thường giải phóng mặt bằng 2TC
42	Trần Thị Lê Na SN 1983	Giảng viên, 2007	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin đất 3TC
43	Hoàng Thị Thúy Hằng SN 1984	Giảng viên 2007	Thạc sỹ, 2010 Việt Nam	QTKD	Thuế nhà đất 2TC
44	Trần Thị Lê Na SN 1983	Giảng viên, 2007	Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin địa lý 2TC
45	Trương Quang Ngân SN 1975	Giảng viên	Thạc sỹ, 2004, Việt Nam	QLĐĐ	Xây dựng đồ án QHSĐĐ 2TC
48	Nguyễn Thị Trà SN 1987	Giảng viên	Kỹ sư, 2009 Việt Nam	Lâm nghiệp	Quy hoạch cảnh quan 2 TC
49	Nguyễn Xuân Lai SN 1958	Giảng viên	Tiến sỹ	Nông nghiệp	Tài nguyên đất và MT 2TC

50	Võ Thị Dung SN 1977 Phó khoa NLN	Giảng viên	Thạc sỹ, 2005 Việt Nam	Nông nghiệp	Hệ thống nông nghiệp 2TC
51	Trần Thị Thúy Nga SN 1980	Giảng viên	Thạc sỹ, 2008 Việt Nam	Lâm học	Quản lý môi trường 2TC
52	Vương Thị Thúy Hằng SN 1978	Giảng viên	Thạc sỹ, 2007 Việt Nam	Trồng trọt	Cây trồng đại cương 2TC
53	Nguyễn Thị Hải Hậu SN 1979, Phó trưởng bộ môn GDTC	Giảng viên, 2002	Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1 1TC
54	Ngô Đăng Vinh SN 1987	Giảng viên, 2012	Cử nhân, 2011, Việt Nam	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2 1TC
55	Võ Thị Nguyên SN 1963	Giảng viên, 1997	Cử nhân, 1985, Việt Nam	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3 1TC
56	Hồ Chí Quý SN 1987	Giảng viên, 2010	Cử nhân, 2010, Việt Nam	Thể dục, GDQP	Giáo dục quốc phòng 1 3TC
57	Lê Viết Vinh SN 1980	Giảng viên, 2003	Cử nhân, 2002, Việt Nam	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng 2 3TC
58	Nguyễn Tự Cường SN 1981	Giảng viên, 2013	Cử nhân, 2003, Việt Nam	Giáo dục thể chất	Giáo dục quốc phòng 3 2TC

Vinh, ngày tháng năm 2014

Giám đốc
Sở Giáo dục và Đào tạo

Hiệu trưởng

- Đội ngũ kỹ thuật viên, hướng dẫn thí nghiệm thực hành: Có 5 người, trong đó có 03 thạc sĩ, 02 kỹ sư thuộc các lĩnh vực nông lâm nghiệp, tin học, ngoại ngữ sẽ đảm nhận tất cả các nội dung thực hành và thí nghiệm của ngành đào tạo (Chi tiết tại bảng 2)

Bảng 2: Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, TH	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần/môn học
1	Hoàng Hà, 1976	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Tin học	<ul style="list-style-type: none"> - Tin học đại cương - Tin học ứng dụng vẽ bản đồ - Hệ thống thông tin đất đai - Hệ thống thông tin địa lý - Bản đồ học - Bản đồ địa chính
2	Võ Thị Nhung, 1959	Kỹ sư Nông học, Việt Nam, 2007	Khoa học đất	<ul style="list-style-type: none"> - Thổ nhưỡng - Đánh giá đất
3	Nguyễn Việt Hùng, 1985	Kỹ sư Nông học, Việt Nam, 2008		
4	Ngụy Văn Thùy, 1979	Thạc sĩ, Anh văn Việt Nam, 2010	Phòng LAB học tiếng nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> Anh văn cơ bản Anh văn chuyên ngành
5	Nguyễn Văn Toàn SN 1981	Thạc sĩ, Thủy lợi 2011, Việt Nam		<ul style="list-style-type: none"> - Trắc địa 1 - Trắc địa 2 - Trắc địa ảnh - Đo đạc địa chính

Vinh, ngày tháng năm 2014

Giám đốc

Hiệu trưởng

Sở Giáo dục và Đào tạo

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.1. Phòng học, giảng đường

Trường có 45 giảng đường được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu Projector, Loa, âm li... có diện tích bình quân trên 100m²/phòng. Ngoài ra còn có 02 phòng LAB học tiếng nước ngoài với 60 ca bin gồm máy tính và các phụ kiện kèm theo; 6 phòng thực hành máy tính với 180 máy kết nối mạng LAN. (chi tiết tại bảng 3)

Bảng 3: Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Giảng đường / phòng học	45	4.824	Projector	30	
				Loa, âm li	10	
2	Phòng LAB học tiếng nước ngoài	2	160	Cabin nghe	60	Học tiếng nước ngoài
				Máy vi tính kết nối mạng LAN	60	
				Headphone	60	
				Đầu DVD	2	
				Đài cassette	6	
3	Phòng thực hành máy tính ngành quản lý đất đai	6	640	Máy vi tính kết nối mạng LAN	180	Thực hành tin học, tin học ứng dụng cho các ngành

Vinh, ngày tháng năm 2014

Giám đốc

Hiệu trưởng

Sở Giáo dục và Đào tạo

2.2. Phòng thí nghiệm, thực hành

Trên cơ sở thừa kế toàn bộ cơ sở thực hành của trường Nông Lâm trước đây, căn cứ vào nội dung chương trình đào tạo và xu hướng phát triển của ngành Quản lý đất đai, trước mắt nhà trường đã bố trí 2 phòng thí nghiệm, thực hành

- Phòng tin học chuyên ngành Quản lý đất đai
- Phòng thực hành khoa học đất

Biểu 4: Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1	Phòng tin học chuyên ngành QLDD	100	Máy tính	20 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Tin học ứng dụng vẽ bản đồ - Hệ thống thông tin đất đai - Hệ thống thông tin địa lý - Bản đồ học - Bản đồ địa chính
		Bàn cân bản đồ	5 cái		
		Máy quét Ao	1 cái		
		Máy quét A4	1 cái		
		Máy in màu A4	1 cái		
		Máy in màu Ao	1 cái		
2	Phòng khoa học đất	100	Cân tiểu ly điện tử	2 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Thổ nhưỡng - Đánh giá đất
		Máy cắt đất	1 cái		
		Ống nghiệm	20 cái		
		Phễu	20 cái		
		Bình tam giác	20 cái		
		Ống đong	20 cái		

			Cối sứ và chày nghiền đất	10 cái	
			Ổng hút	10 cái	
			Giấy lọc	10 cuộn	
			Khay đựng bảng inoc	10 cái	
			Giấy quỳ tím	10 cuộn	
			Máy đo độ PH	5 máy	
			Máy nén đất	1 máy	
			Máy thủy bình tự động	2 cái	
			Máy trắc địa điện tử	2 cái	- Trắc địa 1 - Trắc địa 2 - Trắc địa ảnh - Đo đạc địa chính
			Máy GPS	5 máy	
			Thước dây 50m	5 cái	

Vinh, ngày tháng năm 2014

Giám đốc

Hiệu trưởng

Sở Giáo dục và Đào tạo

2.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

Nhà trường có 01 Trung tâm thư viện, diện 403,5m², trong đó diện tích phòng đọc rộng 200 m², số chỗ ngồi 100 người. Bên cạnh thư viện truyền thống, nhà trường còn có thư viện điện tử, với 01 bộ phần mềm quản lý thư viện và các thiết bị kèm theo, có 50 máy tính phục vụ tra cứu. Thư viện điện tử phục vụ tra cứu từ xa và đọc tài liệu nội bộ của trường, định hướng trong thời gian tới, thư viện sẽ kết nối với cơ sở cơ sở dữ liệu của các trường trong nước thông qua Liên hợp thư viện Việt Nam, trang tailieu.vn...

Số lượng sách, tài liệu của trường hiện có là 2.610 đầu sách với 21.500 bản sách, 62 đầu báo và tạp chí. Riêng giáo trình và tài liệu tham khảo cho ngành Quản lý đất đai (*chi tiết tại bảng 5 và bảng 6*)

Bảng 5: Danh mục giáo trình phục vụ giảng dạy ngành Quản lý đất đai

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2009	500	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2.
2	Tư tưởng Hồ chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2009	500	Tư tưởng Hồ chí Minh
3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2009	500	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
4	Xã hội học	Lương Văn Úc	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2009	500	Xã hội học
5	GT Luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	Trường ĐH KT Quốc dân	2012	500	Pháp luật Đại cương
6	Kỹ thuật Soạn thảo văn bản Kinh tế và QTDN	Lương Văn Úc	Trường ĐH KT Quốc dân	2013	500	Soạn thảo văn bản
7	New headway –	Liz & John Soars	Đại học	2003	500	Anh văn 1

	Elementary		QG Hà Nội			
8	New headway – Pre-Intermediate	Liz & John Soars	Đại học QG Hà Nội	2003	500	Anh văn 2
9	GT Toán cao cấp	Lê Đức Vĩnh (CB)	NXB ĐH Nông nghiệp	2013	500	Toán cao cấp (Khối Kỹ thuật)
10	GT Tin học Đại cương	PGS TS Hàn Viết Thuận	NXB ĐH Kinh tế QD	2010	500	Tin học đại cương
11	Lý thuyết XS và Thống kê toán	PGS.TS. Nguyễn Cao Văn (CB)	NXB ĐH Kinh tế QD	2012	500	Lý thuyết XS và Thống kê
12	GT Giáo dục QP (Tập 1, 2)	Đào Duy Hiệp (CB)	NXB Giáo dục	2008	5	Giáo dục quốc phòng
13	BG Môn GDTC	Võ Thị Nguyễn	Tài liệu nội bộ	2012	5	Giáo dục thể chất
14	GT Hóa học Đại cương	Dương Văn Đạm	NXB Nông nghiệp HN	2008	5	Hóa học đại cương
15	GT Vật lý	Trần Đình Đông (CB)	NXB Nông nghiệp	2013	5	Vật lý đại cương
16	Sử dụng Autocart 2004	Nguyễn Hữu Lộc	NXB Tổng hợp TP HCM	2006	5	Tin học Autocart
17	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai	Nguyễn Thị Bích Thùy	Lưu hành nội bộ	2007	500	Anh văn CN QLĐĐ
18	Giáo trình Sinh thái môi trường	Phạm Văn Phê	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	Sinh thái môi trường
19	Bài giảng Tài nguyên thiên nhiên	Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội		2013	5	Tài nguyên thiên nhiên
20	Giáo trình trắc địa	Nguyễn Trọng Tuyên	NXB Nông nghiệp	1999	5	Trắc địa 1

			Hà Nội			
21	Giáo trình trắc địa	Nguyễn Trọng Tuyên	NXB Nông nghiệp Hà Nội	1999	5	Trắc địa 2
22	Giáo trình trắc địa ảnh viễn thám	Đàm Xuân Hoàn	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2008	5	Trắc địa ảnh
23	Giáo trình Thổ nhưỡng	PGS.TS. Trần Văn Chính	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	Thổ nhưỡng
24	Đánh giá đất	PGS.TS. Vũ Thị Bình	NXB Nông nghiệp Hà Nội	1998	5	Đánh giá đất
25	Tin học ứng dụng	ThS. Trần Quốc Vinh	NXB Đại học NN Hà Nội	2012.	5	Tin học ứng dụng đo vẽ bản đồ
27	Đánh giá tác động môi trường	PGS.TS. Nguyễn Đình Mạnh	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2005	5	Đánh giá tác động môi trường
28	Giáo trình Quản lý nguồn nước	GS.TS. Phạm Ngọc Dũng	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2005	5	Quản lý nguồn nước
29	Bản đồ học	TS. Trần Trọng Phương	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2013	5	Bản đồ học
30	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - Xã hội	PGS.TS. Vũ Thị Bình	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2008	5	QH tổng thể phát triển KTXH
31	Dân số và Môi trường	PGS.TS. Trịnh Khắc Thắm	NXB Lao động- Xã	2007	5	Dân số học và môi trường

			hội			
32	Quy hoạch sử dụng đất	Đoàn Công Quỳ	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	QH sử dụng đất
33	Quy hoạch phát triển nông thôn	PGS.TS.VũThịBình	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	QH PT nông thôn
34	Quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn	PGS.TS.VũThịBình	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2008	5	QHSD đất ĐT và KDC nông thôn
35	Bài giảng Bản đồ địa chính	PGS. TS Nguyễn Thanh Trà và KS. Ngô Thị Hà	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2004	5	Bản đồ địa chính
36	Bài giảng Quản lý hành chính về đất đai	ThS Đỗ Đức Hạnh Đại học Nông Nghiệp 1 Hà Nội		2010	5	Quản lý hành chính về đất đai
37	Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai	ThS Đỗ Đức Hạnh Đại học Nông Nghiệp 1 Hà Nội		2010	5	Đăng ký thống kê đất đai
38	Bài giảng Luật đất đai	ThS Vũ Văn Tuấn Ths Lê Thị Yến	NXB Đại học NN I Hà Nội	2012	5	Pháp luật đất đai
39	Giáo trình Thanh tra đất đai	ThS Đỗ Thị Đức Hạnh	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2011	5	Thanh tra đất đai
49	Giáo trình Kinh tế đất	PGS.TS Ngô Đức Cát	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2007	5	Kinh tế đất
41	Giáo trình Định giá đất	TS. Hồ Thị Lam Trà	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	Định giá đất
42	Giáo trình Thị trường bất động sản	PGS.TS. Nguyễn Thanh Trà	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2005	5	Thị trường bất động sản

43	Bài giảng Bồi thường giải phóng mặt bằng	Khoa TNMT, Trường ĐHNN Hà Nội		2012	5	Bồi thường hỗ trợ tái định cư
44	Bài giảng Hệ thống thông tin đất đai	ThS Phạm Văn Vân	NXB Nông Nghiệp.	2010	5	Hệ thống thông tin đất
45	Bài giảng Thuế nhà đất	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh,		2013	5	Thuế bất động sản
46	Giáo trình Hệ thống thông tin địa lý	Trần Thị Băng Tâm	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2006	5	Hệ thống thông tin địa lý
49	Bài giảng Quy hoạch cảnh quan sinh thái	Đỗ Quang Huy, Lưu Quang Vinh	Trường ĐH Lâm Nghiệp Hà Nội	2006	5	Quy hoạch cảnh quan
50	Bài giảng Tài nguyên đất và môi trường	Trường đại học TNMT Hà Nội		2012	5	Tài nguyên đất và môi trường
51	Hệ thống nông nghiệp	GS.TS. Phạm Tiến Dũng, PGS.TS. Vũ Đình Tân	NXB Nông nghiệp Hà Nội	2013	5	Hệ thống nông nghiệp
52	Bài giảng Quản lý môi trường	Lý Thị Thu Hà Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	2012	5	Quản lý môi trường
53	Cây trồng đại	Nguyễn Ích Tân,	NXB Nông	2010	5	Cây trồng đại

	ương	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	nghiệp Hà Nội			ương
54	Bài giảng Môi trường và PT	Trường đại học kinh tế Nghệ An		2013		Môi trường và phát triển
55	Bài giảng Hệ thống định vị toàn cầu	TS Huỳnh Văn Chương, ThS Phạm Gia Tùng Đại học NL Huế		2012		Hệ thống định vị toàn cầu

Vinh, ngày tháng năm 2014

Giám đốc

Hiệu trưởng

Sở Giáo dục và Đào tạo

Bảng 6: Danh mục chuyên khảo, tạp chí chuyên ngành Quản lý đất đai

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Đất Việt Nam	Hội khoa học đất Việt Nam	Nông nghiệp năm 2000	1	Thổ nhưỡng, Tài nguyên đất, Đánh giá đất
2	Sổ tay công tác thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai	Lê Thanh Khuyến	Chính trị Quốc gia năm 2010	1	PL đất đai, Quản lý NN về đất đai, Thanh tra đất đai
3	Giáo trình Đo đạc địa chính	PGS.TS. Nguyễn Trọng San	Hà Nội năm 2006	1	Trắc địa
4	Hỏi và giải đáp luật đất đai	TS. Phạm Huy Đoán	Chính trị Quốc gia năm 2003	1	Luật đất đai, Quản lý NN về

					đất đai, Thanh tra đất đai
5	Giáo trình Thanh Tra kiểm tra đất đai	KS. Vi Văn Đài KS. Mai Thị Nghị	Hà Nội năm 2006	1	Thanh tra đất đai, Bồi thường hỗ trợ tái định cư
6	Luật kinh doanh bất động sản		Chính trị Quốc gia năm 2006		Thị trường bất động sản
7	Tài liệu khiếu nại, tố cáo	Thanh tra tỉnh Nghệ An	2007	1	Thanh tra đất đai
8	Luật nhà ở và các nghị quyết, nghị định về giao dịch nhà ở		Lao động xã hội 2009	1	Thị trường bất động sản, Luật đất đai
9	Giáo trình “Đất lâm nghiệp”	Hà Quang Khải	Hà Tây 2002	10	Thổ nhượng, Tài nguyên đất, Đánh giá đất
10	Giáo trình “Quy hoạch sử dụng đất”	Trần Văn Viên	Nông nghiệp 2006	11	Quy hoạch sử dụng đất
11	Giáo trình “Trắc địa”	Nguyễn Trọng Tuyền	Nông nghiệp 1999	10	Trắc địa 1, 2
12	Giáo trình “Trắc địa ảnh”	Trương Anh Kiệt	Giao thông vận tải 2001	7	Trắc địa ảnh
13	Giáo trình “Bình sai tính toán lưới trắc địa và GPS”	Hoàng Ngọc Hà	Khoa học và Kỹ thuật 2006	5	Trắc địa 1, 2
14	Giáo trình “Thẩm định giá trị bất động sản”	Nguyễn Ngọc Vinh	Lao động Xã hội 2005	5	Thị trường bất động sản
15	Giáo trình “Đất ngập nước”	Lê Văn Khoa chủ biên	Giáo dục 2008	5	Thổ nhượng, Tài nguyên đất, Đánh giá đất
16	Giáo trình “Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”	Chính trị Quốc gia	Chính trị Quốc gia 2006	7	PL đất đai, Thanh tra đất đai
17	Giáo trình “Bản đồ địa	Nguyễn Thanh Trà	Nông nghiệp	4	Bản đồ địa

	<i>chính”</i>		1999		chính
18	Giáo trình “ <i>Pháp luật đất đai</i> ”	Trần Quang Huy chủ biên	Hà Nội 2006	5	PL đất đai
19	Giáo trình “ <i>Đăng ký thống kê đất đai</i> ”	Lê Đình Thắng	Hà Nội 2005	6	Đăng ký thống kê
20	Giáo trình “ <i>Giao đất và thu hồi đất</i> ”	Trần Quang Huy chủ biên	Hà Nội 2007	8	Giao đất thu hồi đất
21	Giáo trình “ <i>Hỏi và đáp làm vườn trên đất</i> ”	Văn hóa thông tin	Văn hóa thông tin 2004	7	Hệ thống nông nghiệp
22	Giáo trình “ <i>Hỏi và đáp về Luật đất đai</i> ”	Phạm Huy Đoán	Chính trị Quốc gia	5	PL đất đai
23	Giáo trình “ <i>Sử dụng đất bền vững ở trung du, miền núi</i> ”	Phạm Đức Tuấn chủ biên	Nông nghiệp 2003	4	Thổ nhượng, Tài nguyên đất, Đánh giá đất
24	Giáo trình “ <i>Giáo trình đất và bảo vệ thực vật</i> ”	Lê Đức, Trần Khắc Hiệp	Hà Nội 2005	5	Thổ nhượng, Tài nguyên đất, Đánh giá đất
25	Giáo trình “ <i>Quản lý nhà nước về đất đai</i> ”	Ngô Đức Cát	Hà Nội 2005	6	Quản lý hành chính về đất đai
26	Giáo trình “ <i>Ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý</i> ”	Lê Văn Khoa	Giáo dục 2010	3	Thổ nhượng, Tài nguyên đất, Đánh giá đất
27	Giáo trình “ <i>Định giá đất</i> ”	Hồ Thị Lam Trà chủ biên	Nông nghiệp 2006	8	Định giá đất
28	Giáo trình “ <i>Quy hoạch sử dụng đất</i> ”	Đoàn Công Quý chủ biên	Nông nghiệp 2006	9	Quy hoạch sử dụng đất
29	Giáo trình “ <i>Canh tác lâm nông nghiệp trên đất dốc</i> ”		Nông nghiệp 1995	4	Hệ thống nông nghiệp
30	Giáo trình “ <i>Luật đất đai</i> ”	Trần Quang Huy chủ biên	Công an nhân dân	5	PL đất đai
31	Giáo trình “ <i>Hệ thống văn bản pháp luật mới về đất đai</i> ”		Tài chính 2005	6	PL đất đai

32	Giáo trình “ <i>Luật đất đai và hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện</i> ”		Lao động 2005	7	PL đất đai
33	Giáo trình “ <i>Sử dụng đất</i> ”	Phan Cung	Nông nghiệp 1999	7	Quy hoạch PTNN
34	Giáo trình “ <i>Mẫu soạn thảo hợp đồng kinh tế dân sự lao động xây dựng đất đai nhà ở</i> ”	Phạm Huy Đoán	Tài chính 2005	8	PL đất đai
35	Giáo trình “ <i>Chính sách mới đất đai-nhà ở năm 2009</i> ”	Đoàn Nguyễn Gia Hân	Lao động xã hội 2009	8	Pháp luật đất đai
36	Giáo trình “ <i>Giao đất lâm nghiệp</i> ”	Bùi Văn Dự	Nông nghiệp 1997	5	Quy hoạch PTNN
37	Giáo trình “ <i>Bảo vệ đất chống xói mòn vùng đồi núi</i> ”	Tôn Đức Khang, Nguyễn Đức Quý	Hà Nội 2008	6	Quy hoạch PTNN

**Giám đốc sở giáo dục và đào tạo
tỉnh Nghệ An**

**Hiệu trưởng trường Đại học
Kinh tế Nghệ An**

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên nhà trường tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu các đề tài đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính tại địa phương và các đề tài cấp trường của khối Nông Lâm Ngư (Khoa học cây trồng, chăn nuôi – Thú y, Lâm nghiệp, Quản lý đất đai, Thủy lợi,...). Từ năm 2000 đến nay, trường đã chủ trì 03 đề tài cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách về kinh tế, tài chính để đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý kế toán xã, để huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển cơ sở hạ tầng, cho phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh Nghệ An

Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, Hội đồng khoa học đã tiến hành thẩm định nhiều Sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho việc dạy và học.

Công tác biên soạn giáo trình, bài giảng liên tục được triển khai, đã thẩm định được hơn 50 đầu sách phục vụ cho việc dạy và học (trong đó Khoa Nông Lâm Ngư đã hoàn thiện được 36 loại giáo trình dùng cho hệ Cao đẳng và Trung cấp).

Từ năm 2009 đến nay, Nhà trường đã xuất bản được 7 Tập san “Thông tin Khoa học Kỹ thuật”, đây là nơi để cho giảng viên công bố các công trình khoa học, trao đổi kinh nghiệm và các thông tin về chuyên môn.

4. Hợp tác quốc tế

Trường đã có quan hệ tốt với các tổ chức nước ngoài trong việc đào tạo phát triển các kỹ năng cho giảng viên và sinh viên, đặc biệt là kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng nghe nói tiếng Anh giáo tiếp do tổ chức WUSC (Tổ chức hỗ trợ Đào tạo Đại học Thế giới Canada), do các chuyên gia và tình nguyện viên của Canada giảng dạy.

Ngoài ra, Trường còn hợp tác với trường Nông nghiệp của Tỉnh Bulikhawmxay (Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào) trong việc đào tạo giúp nước bạn các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau (khoa học cây trồng, chăn nuôi thú y, kế toán, tài chính,..v.v...).

Đặc biệt, Nhà trường còn hợp tác với Trung tâm nghiên cứu Sa mạc Ramat Negev của Israel trong việc hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, giúp sinh viên có cơ hội học tập và làm việc tại nước ngoài, các em được nâng cao tay nghề và phát huy được những kiến thức đã được học trong quá trình đào tạo.

Phần 3
CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:	Quản lý đất đai
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản lý đất đai
Mã số ngành đào tạo:	52850103
Loại hình đào tạo:	Chính quy

Vinh, ngày.....tháng.....năm 2014

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKTNA-ĐT ngày tháng năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Tên chương trình:	Quản lý đất đai
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản lý đất đai
Mã số ngành đào tạo:	52850103
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư Quản lý đất đai có đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện về lý luận và thực tiễn Quản lý đất đai: Trắc địa - Bản đồ, Hệ thống tin địa lý, Hệ thống tin đất đai, Ngoại ngữ; có kỹ năng về công nghệ (công nghệ toàn đạc, công nghệ GPS, công nghệ ảnh số...), thành lập các bản đồ chuyên đề (bản đồ địa chính, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất...) dưới dạng số, thiết kế và vận hành các hệ thống thông tin đất đai...; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, kinh tế, xã hội phục vụ ngành.
- Có kiến thức về quản lý đất đai, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực đo đạc, tin học phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

1.2.2. Về kỹ năng, thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Có khả năng nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng đất đai.
- Có phẩm chất đạo đức tư cách tốt, có hiểu biết về chính trị - xã hội và sức khoẻ tốt.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ, tin học

Đạt yêu cầu về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

1.2.4. Về khả năng công tác

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng công tác tại:

- Các cơ quan, thuộc ngành tài nguyên và môi trường, trung tâm nghiên cứu, đào tạo và địa phương.

- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đất đai như: Đo đạc, kinh doanh bất động sản, lập quy hoạch kế hoạch, định giá đất

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá 130 tín chỉ (Không kể GDTC và GDQP)

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Căn cứ thực hiện và Quy trình đào tạo

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

- Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế 43;

- Quyết định số 289/QĐ-ĐHKTN-ĐT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An ngày 15 tháng 05 năm 2014 quy định Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Luật Giáo dục sửa đổi và Bổ sung được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2009.

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý Đất đai được xây dựng căn cứ vào chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo hệ đại học ngành Quản lý đất đai và trên cơ sở tham khảo các chương trình của các trường đại học trong cả nước về đào tạo ngành Quản lý đất đai.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện theo các Quy định sau:

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

- Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế 43;

- Quyết định số 289/QĐ-ĐHKTNA-ĐT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An ngày 15 tháng 05 năm 2014 quy định Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

6. Thang điểm

Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”; Quyết định số 289/QĐ-ĐHKTNA-ĐT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An ngày 15 tháng 05 năm 2014 quy định Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

7. Nội dung chương trình

STT	Tên môn học	TC	LT	BT,TL,TH
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	45	32,5	12,5
7.1.1	Lý luận chính trị	10	7	3
1	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 1	2	1,5	0,5
2	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 2	3	2	1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5
4	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN	3	2	1
7.1.2	Khoa học xã hội	6	4	2
	<i>Bắt buộc</i>	4	2	2
5	Pháp luật Đại cương	2	1	1
6	Soạn thảo văn bản	2	1	1
7	<i>Tự chọn (1 trong 2 học phần)</i>	2	2	0
	Dân số học và môi trường	2	2	0
	Xã hội học	2	2	0
7.1.3	Ngoại ngữ	9	6	3
8	Anh văn 1	3	2	1
9	Anh văn 2	4	3	1
10	Anh văn chuyên ngành	2	1	1
7.1.4	Toán - Tin học – Khoa học TN - Công nghệ - Môi trường	20	15,5	4,5
	<i>Học phần bắt buộc</i>	16	11,5	4,5
11	Toán cao cấp	3	2,5	0,5
12	Lý thuyết xác suất thống kê	3	2,5	0,5
13	Hóa học đại cương	3	2,5	0,5
14	Vật lý đại cương	2	1	1
15	Sinh thái môi trường	2	2	0
16	Tin học đại cương	3	2	1
17	<i>Tự chọn (2 trong 4 học phần sau)</i>	4	4	0
18	Tin học Autocard	2	1	1
	Môi trường và phát triển	2	2	0
	Tài nguyên thiên nhiên	2	2	0
	Quản lý môi trường	2	2	0
7.1.5	Giáo dục thể chất	3	1	2
7.1.6	Giáo dục quốc phòng	8	7	1
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	49	36
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	21	14,5	5,5
19	Trắc địa 1	3	2	1
20	Trắc địa 2	3	2	1
21	Trắc địa ảnh viễn thám	2	2	0

22	Thổ nhượng	2	1,5	0,5
23	Đánh giá đất	3	2	1
24	Hệ thống thông tin địa lý	3	1,5	0,5
25	Quản lý nguồn nước	2	2	0
26	Bản đồ học	3	2	1
7.2.2.	Kiến thức ngành	48	29,5	16,5
27	<i>Bắt buộc</i>	42	25,5	16,5
	QH tổng thể phát triển KTXH	3	2	1
28	QH sử dụng đất	3	2	1
29	QH PT nông thôn	2	1,5	0,5
30	QH ĐT và điểm DC nông thôn	3	2	1
31	Bản đồ địa chính	3	2	1
32	Thực hành trắc địa	2	0	2
33	Quản lý hành chính về đất đai	3	2	1
34	Đăng ký thống kê đất đai	3	2	1
35	Pháp luật đất đai	2	1	1
36	Thanh tra đất đai	2	1,5	0,5
37	Định giá đất	2	1,5	0,5
38	Thị trường bất động sản	2	1,5	0,5
39	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2	1,5	0,5
40	Hệ thống thông tin đất	3	2	1
41	Thuế bất động sản	2	1	1
42	Tin học ứng dụng đo vẽ bản đồ	3	2	1
43	Xây dựng đồ án quy hoạch sử dụng đất	2	0	2
44	<i>Tự chọn (3 trong 7 học phần)</i>	6	6	0
45	Hệ thống nông nghiệp	2	2	0
46	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0
	Kinh tế tài nguyên đất	2	2	0
	Quy hoạch cảnh quan	2	2	0
	Tài nguyên đất và môi trường	2	2	0
	Đánh giá tác động môi trường	2	2	0
	Hệ thống định vị toàn cầu	2	2	0
7.2.3	Kiến thức bổ trợ	2	2	0
47	Cây trồng đại cương	2	2	0
7.2.4	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp	14	0	14
48	Thực tập giáo trình	4	0	4
49	Khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)	10	0	10
	Tổng cộng	130	81,5	48,5

(130 TC không kể GDTC và GDQP)

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Tên môn học	TC	LT	TH	Kỳ
1	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 1	2	1,5	0,5	1
2	Anh văn 1	3	2	1	1
3	Toán cao cấp (Toán giải tích)	3	2,5	0,5	1
4	Quốc phòng 1	3	3	0	1
5	Hóa học đại cương	3	2,5	0,5	1
6	Vật lý đại cương	2	1	1	1
7	Thẻ dực 1	1	0	1	1
8	Tự chọn (1 trong 2 học phần)	2	2		
	Dân số học và môi trường	2	2	0	1
	Xã hội học	2	2	0	1
Tổng kỳ 1		19	14,5	4,5	
1	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 2	3	2	1	2
2	Pháp luật Đại cương	2	1	1	2
3	Soạn thảo văn bản	2	1	1	2
4	Anh văn 2	4	3	1	2
5	Xác xuất thống kê	3	2,5	0,5	2
6	Sinh thái môi trường	2	2	0	2
7	Thẻ dực 2	1	0	2	2
8	Quốc phòng 2	3	3	0	2
Tổng kỳ 2		20	13,5	6,5	
1	Thẻ dực 3	1	0,5	0,5	3
2	Quốc phòng 3	2	1	1	3
3	Trắc địa 1	3	2	1	3
4	Thỏ nhường	2	1,5	0,5	3
5	Đánh giá đất	3	2	1	3
6	Cây trồng đại cương	2	1	0	3
7	Bản đồ học	3	2	1	3
8	Tin học đại cương	3	2	1	3
Tổng kỳ 3		19	12	7	
1	Trắc địa 2	3	2	1	4
2	Quản lý hành chính về đất đai	3	2	1	4
3	Anh văn chuyên ngành	2	1	1	4
4	Pháp luật đất đai	2	1	1	4
5	Hệ thống thông tin địa lý	2	1,5	0,5	4
6	Tự chọn (2 trong 4 học phần)	4	4	0	4
7	Tin học Autocard	2	2	0	
8	Môi trường và phát triển	2	2	0	
	Tài nguyên thiên nhiên	2	2	0	

	Quản lý môi trường	2	2	0	
Tổng kỳ 4		17			
1	Trắc địa ảnh viễn thám	2	1	1	5
2	Bản đồ địa chính	3	2	1	5
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	5
4	QH sử dụng đất	3	2	1	5
5	QH PT nông thôn	2	1,5	0,5	5
6	Định giá đất	2	1,5	0,5	5
7	Thị trường bất động sản	2	1,5	0,5	5
8	QH tổng thể phát triển KTXH	3	2	1	5
Tổng kỳ 5		19			
1	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN	3	2	1	6
2	Đăng ký thông kê đất đai	3	2	1	6
3	Quản lý nguồn nước	2	2	0	6
4	Thanh tra đất đai	2	1,5	0,5	6
5	Xây dựng đồ án QH sử dụng đất	2	0	2	6
6	Tin học ứng dụng đo vẽ bản đồ	3	2	1	6
7	Thực hành trắc địa	2	0	2	6
8	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2	1,5	0,5	6
Tổng kỳ 6		19			
1	Thuế bất động sản	2	2	0	7
2	Quy hoạch đô thị và diêm dân cư NT	3	2	1	7
3	Thực tập giáo trình	4	0	4	7
4	<i>Tự chọn (3 trong 7 học phần)</i>	6	6	0	7
5	Hệ thống nông nghiệp	2	2	0	
6	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	
	Kinh tế tài nguyên đất	2	2	0	
	Quy hoạch cảnh quan	2	2	0	
	Tài nguyên đất và môi trường	4	2	0	
	Đánh giá tác động môi trường	2	2	0	
	Hệ thống định vị toàn cầu	2	2	0	
Tổng kỳ 7		15	9,5	5,5	
1	Khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)	10	0	10	8
Tổng kỳ 8		10	0	10	
Tổng		141	88,5	52,5	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai được thiết kế dựa trên chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành. Chương trình gồm 130 tín chỉ (không tính khối lượng môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng), được thiết kế để giảng dạy và học tập trong 08 học kỳ (4 năm học);

- Chương trình được biên soạn theo hướng giảm số giờ lý thuyết, giành nhiều thời gian cho thảo luận, thực hành thực tập, sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận nhằm gắn với yêu cầu đổi mới các phương pháp dạy và học ở bậc đại học.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định về tổ chức quản lý đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Kế hoạch giảng dạy cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ mang tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học lập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập, sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện

10. Dự kiến mức học phí

Học phí thu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An áp dụng cho trường công lập.

HIỆU TRƯỞNG